

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 8H00-10H00

PHÒNG THI: 1.1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191001001	IIOANG QUOC VIET	男	2007年8月25日	LR.1.1	
2	2508161191001002	LY QUOC HOANG	男	2007年9月29日	LR.1.1	
3	2508161191001003	NGO THI THUY	女	1996年9月20日	LR.1.1	
4	2508161191001004	LUONG HAI QUAN	男	2007年3月5日	LR.1.1	
5	2508161191001005	HAC ANH TUAN	男	2007年1月11日	LR.1.1	
6	2508161191001006	HOANG THI TO UYEN	女	2007年10月21日	LR.1.1	
7	2508161191001007	HOANG TIEN DUNG	男	2007年6月28日	LR.1.1	
8	2508161191001008	TRIỆU PHÚC MINH	男	2007年1月9日	LR.1.1	
9	2508161191001009	DANG VAN CONG	男	2007年1月24日	LR.1.1	
10	2508161191001010	CHU VAN NGHI	男	2007年7月11日	LR.1.1	
11	2508161191001011	LOC VI KHANH	女	2007年1月16日	LR.1.1	
12	2508161191001012	LY CHI KIEN	男	2006年3月10日	LR.1.1	
13	2508161191001013	IIOANG THI PHI YEN	女	2007年1月11日	LR.1.1	
14	2508161191001014	NONG DUC QUYEN	男	2007年7月28日	LR.1.1	
15	2508161191001015	LANH THI LOAN	女	2007年5月22日	LR.1.1	
16	2508161191001016	TRIEU QUOC HUNG	男	2007年8月3日	LR.1.1	
17	2508161191001017	NGUYEN THI ANH THU	女	2007年8月5日	LR.1.1	
18	2508161191001018	VI THI HUONG	女	2007年2月25日	LR.1.1	
19	2508161191001019	ĐẶNG TUẤN HÙNG	男	2007年1月20日	LR.1.1	
20	2508161191001020	NONG THE TUYEN	男	2007年11月26日	LR.1.1	
21	2508161191001021	DUONG THI HA LINH	女	2007年7月29日	LR.1.1	
22	2508161191001022	VY THI KHANH LY	女	2007年11月7日	LR.1.1	
23	2508161191001023	NONG THI LAN HUONG	女	2007年4月24日	LR.1.1	
24	2508161191001024	PHAM VAN AN	男	2007年9月12日	LR.1.1	
25	2508161191001025	TRUONG THANH HUYEN	女	2006年11月28日	LR.1.1	
26	2508161191001026	DINH THANH HUYEN	女	2007年12月5日	LR.1.1	
27	2508161191001027	MONG VAN CUONG	男	2007年7月8日	LR.1.1	
28	2508161191001028	HUA THI HIEU	女	2007年2月25日	LR.1.1	
29	2508161191001029	HOÀNG THỊ LY	女	2007年3月19日	LR.1.1	
30	2508161191001030	PHAN TRỌNG HUỲNH	男	2007年10月13日	LR.1.1	
31	2508161191001031	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	女	2002年10月1日	LR.1.1	
32	2508161191001032	TRAN HOANG MANH	男	2007年4月25日	LR.1.1	
33	2508161191001033	LIEU XUAN CHIEN	男	2007年12月28日	LR.1.1	
34	2508161191001034	HOANG TRINH HUU	男	2007年8月6日	LR.1.1	
35	2508161191001035	HOANG VAN KY	男	2007年8月17日	LR.1.1	
36	2508161191001036	HA THI HOA	女	1999年8月9日	LR.1.1	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 8H00-10H00

PHÒNG THI: 1.2

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191002001	NGUYỄN MINH HƯỚNG	男	2007年10月12日	LR.1.2	
2	2508161191002002	NGUYỄN THỊ VÂN	女	2007年5月9日	LR.1.2	
3	2508161191002003	HOANG NGOC KHIOA	男	2007年11月11日	LR.1.2	
4	2508161191002004	NGUYỄN THỊ LÊ NA	女	2006年11月2日	LR.1.2	
5	2508161191002005	LY THI THUONG	女	2007年1月27日	LR.1.2	
6	2508161191002006	I.E THUY LAN	女	2007年9月3日	LR.1.2	
7	2508161191002007	TRIEU TRUONG NAM	男	2007年7月24日	LR.1.2	
8	2508161191002008	VI DIEU LE	女	2007年9月4日	LR.1.2	
9	2508161191002009	DANG PHUC THANH	男	2007年3月2日	LR.1.2	
10	2508161191002010	HOANG THI THU HANG	女	2002年10月11日	LR.1.2	
11	2508161191002011	PHAM THI HUE	女	2006年7月7日	LR.1.2	
12	2508161191002012	VŨ TRẦN MAI HẠ	女	2002年7月27日	LR.1.2	
13	2508161191002013	HOANG THI MINH	女	2007年2月18日	LR.1.2	
14	2508161191002014	NGUYỄN LÊ LÂM NGHĨA	男	2007年5月22日	LR.1.2	
15	2508161191002015	CHU VIET HOA	男	2007年4月13日	LR.1.2	
16	2508161191002016	TRIEU THI CAM	女	2007年6月7日	LR.1.2	
17	2508161191002017	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	女	2004年6月3日	LR.1.2	
18	2508161191002018	CHU QUANG TUNG	男	2007年4月9日	LR.1.2	
19	2508161191002019	DUONG THI NHI	女	2007年1月25日	LR.1.2	
20	2508161191002020	GIÁP THỊ KHÁNH LINH	女	1999年6月7日	LR.1.2	
21	2508161191002021	NGUYỄN THỊ YẾN TÂM	女	2007年4月12日	LR.1.2	
22	2508161191002022	HOANG THANH HUYEN	女	2007年1月11日	LR.1.2	
23	2508161191002023	HOANG LUC NHU HUYNH	男	2007年5月21日	LR.1.2	
24	2508161191002024	TRIEU VAN KIEN	男	2007年5月25日	LR.1.2	
25	2508161191002025	DANG VAN DUONG	男	2006年4月20日	LR.1.2	
26	2508161191002026	TU THI NGA	女	2007年10月10日	LR.1.2	
27	2508161191002027	VÕ CÔNG SON	男	1999年9月19日	LR.1.2	
28	2508161191002028	NGUYEN TUAN THANH	男	2007年10月30日	LR.1.2	
29	2508161191002029	VŨ MINH CHÍNH	男	2007年1月2日	LR.1.2	
30	2508161191002030	NGUYỄN AN TÔN	男	2006年6月12日	LR.1.2	
31	2508161191002031	DUONG THI MY	女	2007年3月4日	LR.1.2	
32	2508161191002032	HOANG PHONG VU	男	2007年2月7日	LR.1.2	
33	2508161191002033	PHUNG THI THUY	女	2007年1月29日	LR.1.2	
34	2508161191002034	HOANG THI KIM QUE	女	2006年10月16日	LR.1.2	
35	2508161191002035	NGUYEN TRA MY	女	2006年8月28日	LR.1.2	
36	2508161191002036	LE NGOC ANH	女	2005年10月7日	LR.1.2	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 8H00-10H00

PHÒNG THI: 2.3

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191003001	DUONG THI DIEP	女	2007年7月12日	LR.2.3	
2	2508161191003002	NONG THIEN HOANG	男	2005年7月18日	LR.2.3	
3	2508161191003003	MONG NONG THIAO MAI	女	2007年12月9日	LR.2.3	
4	2508161191003004	MAO THI BICH NGOC	女	2007年2月19日	LR.2.3	
5	2508161191003005	SA ĐÀM THÁI DƯƠNG	男	2006年12月17日	LR.2.3	
6	2508161191003006	HOANG THI NHUNG	女	2007年7月10日	LR.2.3	
7	2508161191003007	NONG QUYNH NHU	女	2007年10月24日	LR.2.3	
8	2508161191003008	TRIEU VAN CHUYEN	男	2008年8月6日	LR.2.3	
9	2508161191003009	TRƯỜNG THỊ TRÚC LY	女	2007年7月12日	LR.2.3	
10	2508161191003010	LÊ THỊ PHƯƠNG LAN	女	2007年10月23日	LR.2.3	
11	2508161191003011	LUAN DUY THAI	男	2007年4月7日	LR.2.3	
12	2508161191003012	ĐẶNG XUÂN THẮNG	男	2004年4月1日	LR.2.3	
13	2508161191003013	MAI THI NGUYET NGA	女	2007年2月28日	LR.2.3	
14	2508161191003014	CAM THỊ HỒNG HẠNH	女	2002年1月13日	LR.2.3	
15	2508161191003015	LANH MANH DUC	男	2007年11月8日	LR.2.3	
16	2508161191003016	LUU THI MY HANH	女	2007年11月9日	LR.2.3	
17	2508161191003017	NÔNG ĐỨC VIỆT	男	2003年11月21日	LR.2.3	
18	2508161191003018	PHUNG THUA TU	男	1994年10月19日	LR.2.3	
19	2508161191003019	PHẠM QUANG HÀ	男	2002年1月23日	LR.2.3	
20	2508161191003020	PHAM TIEN PHUC	男	2007年8月21日	LR.2.3	
21	2508161191003021	LA ANH TUAN	男	2007年9月14日	LR.2.3	
22	2508161191003022	CHU VIET HUNG	男	2007年12月9日	LR.2.3	
23	2508161191003023	NGUYỄN THỊ GIA NHI	女	2007年11月3日	LR.2.3	
24	2508161191003024	TRƯỜNG VĂN THẮNG	男	2007年10月21日	LR.2.3	
25	2508161191003025	LAM TRONG TAN	男	2007年11月29日	LR.2.3	
26	2508161191003026	LY THU HIEN	女	2007年11月10日	LR.2.3	
27	2508161191003027	NONG TRUNG KIEN	男	2006年6月2日	LR.2.3	
28	2508161191003028	VI QUỐC TUẤN	男	2007年1月29日	LR.2.3	
29	2508161191003029	TRAN HUY VU	男	2007年9月20日	LR.2.3	
30	2508161191003030	NGUYỄN TUỆ ANH	女	2002年7月19日	LR.2.3	
31	2508161191003031	NGUYỄN TÚ ANH	女	2002年8月14日	LR.2.3	
32	2508161191003032	VŨ ĐỨC ĐẠT	男	2007年3月27日	LR.2.3	
33	2508161191003033	LANG LAM LAN ANH	女	2007年1月1日	LR.2.3	
34	2508161191003034	HOANG KHANH NAM	男	2007年2月12日	LR.2.3	
35	2508161191003035	VO HOANG VIET	男	2007年11月4日	LR.2.3	
36	2508161191003036	NGUYỄN KHÁNH DUY	男	2006年8月6日	LR.2.3	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 8H00-10H00

PHÒNG THI: 2.4

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191004001	LIU THI CAM LY	女	2007年10月31日	LR.2.4	
2	2508161191004002	LANG VAN HIEN	男	2007年1月1日	LR.2.4	
3	2508161191004003	NGUYEN CHU SON	男	2006年12月10日	LR.2.4	
4	2508161191004004	HO VIET HAI	男	2000年2月1日	LR.2.4	
5	2508161191004005	NGUYỄN BÁ KHA	男	2001年8月14日	LR.2.4	
6	2508161191004006	TRỊNH QUỐC KHÁNH	男	2005年11月28日	LR.2.4	
7	2508161191004007	DƯƠNG ĐỨC TUẤN	男	2004年2月21日	LR.2.4	
8	2508161191004008	HOANG VAN TRUONG	男	2007年7月16日	LR.2.4	
9	2508161191004009	NGUYEN THUY LINH	女	2006年10月4日	LR.2.4	
10	2508161191004010	PHẠM VĂN ĐÌNH	男	2007年4月19日	LR.2.4	
11	2508161191004011	HOÀNG VĂN CƯỜNG	男	2004年7月3日	LR.2.4	
12	2508161191004012	THẠCH THỊ MỸ DUYÊN	女	2006年12月4日	LR.2.4	
13	2508161191004013	LÊ KHÁNH HÙNG	男	2006年1月15日	LR.2.4	
14	2508161191004014	BÙI GIA BẢO	男	2006年8月14日	LR.2.4	
15	2508161191004015	NGUYEN NGOC HOANG ANH	男	2007年2月10日	LR.2.4	
16	2508161191004016	BAN THI THU THUY	女	2007年11月11日	LR.2.4	
17	2508161191004017	NGUYỄN THỊ THÚY LINH	女	2000年7月30日	LR.2.4	
18	2508161191004018	TRIEU DUC TIEN	男	2006年10月9日	LR.2.4	
19	2508161191004019	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	女	2001年8月8日	LR.2.4	
20	2508161191004020	HOANG DINH LONG	男	2007年10月30日	LR.2.4	
21	2508161191004021	ĐỖ QUANG THỤY	男	2003年8月11日	LR.2.4	
22	2508161191004022	PHAN LAM NGUYEN	男	2007年1月2日	LR.2.4	
23	2508161191004023	NGUYỄN VĂN NINH	男	2000年4月4日	LR.2.4	
24	2508161191004024	LONG TRUNG KIEN	男	2007年2月12日	LR.2.4	
25	2508161191004025	CHU DUC TOAN	男	2007年10月17日	LR.2.4	
26	2508161191004026	TRIỆU NGỌC MAY	女	2007年3月30日	LR.2.4	
27	2508161191004027	ĐỒNG VĂN NHÂN	男	2007年12月29日	LR.2.4	
28	2508161191004028	NGUYỄN THỊ VY	女	2005年4月28日	LR.2.4	
29	2508161191004029	PHẠM THỊ LÝ	女	1974年12月30日	LR.2.4	
30	2508161191004030	BẶNG KHÁNH HUY	男	2007年3月22日	LR.2.4	
31	2508161191004031	NGUYỄN VIỆT LÂM	男	2006年1月13日	LR.2.4	
32	2508161191004032	TRẦN DUY LONG	男	2007年4月16日	LR.2.4	
33	2508161191004033	PHẠM VĂN MẠNH	男	2006年8月23日	LR.2.4	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

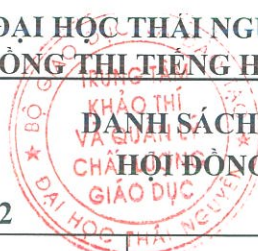
DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 10H30-12H30

PHÒNG THI: 1.1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191005001	LƯƠNG XUÂN HOÀNG	男	2007年4月8日	LR.1.1	
2	2508161191005002	NGUYEN NGOC NHI	女	2007年7月29日	LR.1.1	
3	2508161191005003	PHAM NHAT HUYEN	女	2006年9月27日	LR.1.1	
4	2508161191005004	LUU TUAN HIEU	男	1998年8月16日	LR.1.1	
5	2508161191005005	NGUYEN THI LE NA	女	2001年5月15日	LR.1.1	
6	2508161191005006	GIANG A DUONG	男	2007年1月25日	LR.1.1	
7	2508161191005007	BIEN THI TRANG NHUNG	女	2001年4月20日	LR.1.1	
8	2508161191005008	LY THI HA LOAN	女	2007年10月23日	LR.1.1	
9	2508161191005009	NGUYEN MANH THANG	男	2006年8月21日	LR.1.1	
10	2508161191005010	LE ANH DUY	男	2007年12月23日	LR.1.1	
11	2508161191005011	NGUYEN DINH AN	男	2005年12月7日	LR.1.1	
12	2508161191005012	NGUYEN VAN HUY	男	2007年10月25日	LR.1.1	
13	2508161191005013	MA DINH BAC	男	1999年2月14日	LR.1.1	
14	2508161191005014	NINH QUANG MINH	男	2007年7月2日	LR.1.1	
15	2508161191005015	BAN THE DAN	男	2007年12月5日	LR.1.1	
16	2508161191005016	TRAN MANH HUNG	男	2005年4月17日	LR.1.1	
17	2508161191005017	VU A DU	男	2007年4月26日	LR.1.1	
18	2508161191005018	TRẦN THÁI HOÀN	男	2007年4月24日	LR.1.1	
19	2508161191005019	DOAN THI HAO	女	2007年11月19日	LR.1.1	
20	2508161191005020	HOANG A HO	男	2007年4月6日	LR.1.1	
21	2508161191005021	LY VAN CUONG	男	2007年8月27日	LR.1.1	
22	2508161191005022	PHẠM THANH TÙNG	男	2004年3月4日	LR.1.1	
23	2508161191005023	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	女	2006年8月10日	LR.1.1	
24	2508161191005024	LUNG TRUNG HIEU	男	2007年1月28日	LR.1.1	
25	2508161191005025	LY TAM LAN	女	2007年4月1日	LR.1.1	
26	2508161191005026	CHAO PHU DI	男	2004年12月19日	LR.1.1	
27	2508161191005027	PHAN VĂN KHẢI	男	2007年7月23日	LR.1.1	
28	2508161191005028	DAO KHANH BANG	女	2007年3月21日	LR.1.1	
29	2508161191005029	TONG VAN KIET	男	2007年8月3日	LR.1.1	
30	2508161191005030	LE THI THUY NGA	女	2007年8月19日	LR.1.1	
31	2508161191005031	NGO THI THUY LINH	女	2007年10月19日	LR.1.1	
32	2508161191005032	NGUYEN DUY KHANH	男	2007年4月5日	LR.1.1	
33	2508161191005033	SUNG SEO TINH	男	2007年4月20日	LR.1.1	
34	2508161191005034	DOAN QUOC KHANH	男	2007年5月24日	LR.1.1	
35	2508161191005035	LY THANH CONG	男	2007年5月25日	LR.1.1	
36	2508161191005036	HOANG TIEN THANG	男	2005年8月4日	LR.1.1	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 10H30-12H30

PHÒNG THI: 1.2

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191006001	PHẠM VĂN ĐẠI	男	2007年7月15日	LR.1.2	
2	2508161191006002	GIANG A NENH	男	2007年4月10日	LR.1.2	
3	2508161191006003	LÊ THÁI BẢO	男	2001年8月14日	LR.1.2	
4	2508161191006004	PHÙNG CHÂU LONG	女	1993年8月6日	LR.1.2	
5	2508161191006005	NGUYEN THE PHI	男	2007年4月18日	LR.1.2	
6	2508161191006006	HOANG THI MAI	女	2007年12月29日	LR.1.2	
7	2508161191006007	NGUYỄN THỊ ANH THƠ	女	1998年3月9日	LR.1.2	
8	2508161191006008	NGUYEN HUU LUC	男	2002年2月1日	LR.1.2	
9	2508161191006009	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	女	2002年1月4日	LR.1.2	
10	2508161191006010	NGUYEN THI THUY HIEN	女	2004年4月1日	LR.1.2	
11	2508161191006011	TRAN QUANG THANG	男	2007年3月26日	LR.1.2	
12	2508161191006012	GIANG MINH PHUONG	男	2007年12月19日	LR.1.2	
13	2508161191006013	HỒ VIỆT THIÊN ĐÔNG	男	2007年2月28日	LR.1.2	
14	2508161191006014	NGUYEN THI NHU MAI	女	2007年10月13日	LR.1.2	
15	2508161191006015	NGUYEN THI PHUONG ANH	女	2007年10月4日	LR.1.2	
16	2508161191006016	NONG QUOC PHAT	男	2007年1月14日	LR.1.2	
17	2508161191006017	CAO ĐỨC HIỂU	男	2004年1月7日	LR.1.2	
18	2508161191006018	TRƯỜNG TIẾN ĐỊNH	男	2005年12月20日	LR.1.2	
19	2508161191006019	TAY TUAN ANH	男	2007年4月23日	LR.1.2	
20	2508161191006020	NGUYỄN VĂN GIỎI	男	2007年10月12日	LR.1.2	
21	2508161191006021	NGUYEN THE DAT	男	2003年10月20日	LR.1.2	
22	2508161191006022	LO THI DO	女	2007年11月1日	LR.1.2	
23	2508161191006023	GIANG THI NAO	女	2007年11月15日	LR.1.2	
24	2508161191006024	NGUYEN SINH KHIEM	男	2007年10月14日	LR.1.2	
25	2508161191006025	NGÔ LỆ QUYÊN	女	2005年7月6日	LR.1.2	
26	2508161191006026	VANG THI HOA	女	2007年4月19日	LR.1.2	
27	2508161191006027	NGUYEN THI VIET HA	女	1998年8月3日	LR.1.2	
28	2508161191006028	NGUYEN MINH HIEU	男	2007年10月17日	LR.1.2	
29	2508161191006029	NGUYEN XUAN HUY	男	2004年6月9日	LR.1.2	
30	2508161191006030	DOAN DUY HUU	男	2004年5月24日	LR.1.2	
31	2508161191006031	NGO QUANG THAI	男	2007年1月29日	LR.1.2	
32	2508161191006032	HOANG KIEU NGÀ	女	2007年1月28日	LR.1.2	
33	2508161191006033	TRAN HUU DANG	男	2002年9月2日	LR.1.2	
34	2508161191006034	THAO THI PANG	女	2007年12月3日	LR.1.2	
35	2508161191006035	TRUONG THI NHUNG	女	2007年11月29日	LR.1.2	
36	2508161191006036	TRAN VIET ANH	男	2003年7月5日	LR.1.2	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 10H30-12H30

PHÒNG THI: 2.3

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191007001	LƯU VĂN ĐẠI	nam	2003 năm 7 tháng 2 ngày	LR.2.3	
2	2508161191007002	AN VAN TUAN TU	nam	2007 năm 2 tháng 25 ngày	LR.2.3	
3	2508161191007003	VANG THI MAI	nữ	2007 năm 9 tháng 6 ngày	LR.2.3	
4	2508161191007004	LE DUC ANH	nam	2007 năm 3 tháng 2 ngày	LR.2.3	
5	2508161191007005	GIANG THI NGOC LINH	nữ	2007 năm 7 tháng 10 ngày	LR.2.3	
6	2508161191007006	CHAO THI DOANH	nữ	2007 năm 11 tháng 13 ngày	LR.2.3	
7	2508161191007007	GIANG THI DUA	nữ	2007 năm 12 tháng 15 ngày	LR.2.3	
8	2508161191007008	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	nữ	2004 năm 3 tháng 25 ngày	LR.2.3	
9	2508161191007009	LY THI NGOAN	nữ	2007 năm 1 tháng 24 ngày	LR.2.3	
10	2508161191007010	LE SY THUONG	nam	2007 năm 1 tháng 26 ngày	LR.2.3	
11	2508161191007011	XIN THI NHU	nữ	2007 năm 11 tháng 25 ngày	LR.2.3	
12	2508161191007012	NGUYEN QUANG PHUOC	nam	2007 năm 5 tháng 6 ngày	LR.2.3	
13	2508161191007013	TRIEU THI THAO	nữ	2007 năm 12 tháng 27 ngày	LR.2.3	
14	2508161191007014	LAI VAN SON	nam	2007 năm 1 tháng 17 ngày	LR.2.3	
15	2508161191007015	HOANG THANH HUYEN	nữ	2007 năm 7 tháng 22 ngày	LR.2.3	
16	2508161191007016	LE THI VAN ANH	nữ	2007 năm 12 tháng 7 ngày	LR.2.3	
17	2508161191007017	DANG PHUC CHUNG	nam	2007 năm 3 tháng 5 ngày	LR.2.3	
18	2508161191007018	LÊ THỊ HOÀI LINH	nữ	2007 năm 11 tháng 12 ngày	LR.2.3	
19	2508161191007019	NGO THI HOAN	nữ	2007 năm 10 tháng 21 ngày	LR.2.3	
20	2508161191007020	NGUYEN DUC PHONG	nam	2007 năm 4 tháng 23 ngày	LR.2.3	
21	2508161191007021	NGUYEN THI LANH	nữ	2007 năm 11 tháng 7 ngày	LR.2.3	
22	2508161191007022	LAI VAN TRUONG	nam	2007 năm 10 tháng 27 ngày	LR.2.3	
23	2508161191007023	DANG THI THUY LINH	nữ	2007 năm 10 tháng 18 ngày	LR.2.3	
24	2508161191007024	NGUYEN THU LINH	nữ	2006 năm 10 tháng 10 ngày	LR.2.3	
25	2508161191007025	NGO HONG QUAN	nam	2007 năm 12 tháng 19 ngày	LR.2.3	
26	2508161191007026	TRAN QUANG VINH	nam	2007 năm 2 tháng 10 ngày	LR.2.3	
27	2508161191007027	LAI HOANG HAI	nam	2007 năm 6 tháng 9 ngày	LR.2.3	
28	2508161191007028	NGUYEN VAN HUY	nam	2005 năm 8 tháng 8 ngày	LR.2.3	
29	2508161191007029	NGUYEN TIEN VU DUY	nam	2004 năm 6 tháng 9 ngày	LR.2.3	
30	2508161191007030	BUI HUYEN TRANG	nữ	2007 năm 2 tháng 17 ngày	LR.2.3	
31	2508161191007031	VU DUY DAT	nam	2007 năm 1 tháng 1 ngày	LR.2.3	
32	2508161191007032	TRẦN THỊ TÂN	nữ	1996 năm 1 tháng 17 ngày	LR.2.3	
33	2508161191007033	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	nam	2004 năm 1 tháng 28 ngày	LR.2.3	
34	2508161191007034	TU MINH QUAN	nam	2007 năm 9 tháng 5 ngày	LR.2.3	
35	2508161191007035	LO SEO TIN	nam	2007 năm 2 tháng 6 ngày	LR.2.3	
36	2508161191007036	NGUYEN THI TRANG	nữ	2007 năm 4 tháng 18 ngày	LR.2.3	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 10H30-12H30

PHÒNG THI: 2.4

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191008001	PHAN PHUONG CHAM	女	2007年8月6日	LR.2.4	
2	2508161191008002	LÝ TUẤN ANH	男	2003年6月29日	LR.2.4	
3	2508161191008003	PHAN VĂN TÂY	男	1999年10月16日	LR.2.4	
4	2508161191008004	LE VAN MANH	男	2000年1月28日	LR.2.4	
5	2508161191008005	NGUYEN MINH TUONG	男	2007年10月25日	LR.2.4	
6	2508161191008006	PHUNG VIET HOANG	男	2004年9月10日	LR.2.4	
7	2508161191008007	SUNG THI PHUONG	女	2007年8月16日	LR.2.4	
8	2508161191008008	ĐỒNG TUẤN LINH	男	2007年10月14日	LR.2.4	
9	2508161191008009	TRAN THUY TRAM	女	2007年4月16日	LR.2.4	
10	2508161191008010	NGUYEN VAN HIEN	男	2007年1月12日	LR.2.4	
11	2508161191008011	VU THI TUYET NHUNG	女	2005年11月7日	LR.2.4	
12	2508161191008012	TRAN VAN DUONG	男	2004年9月26日	LR.2.4	
13	2508161191008013	TA THI BAO YEN	女	2007年8月20日	LR.2.4	
14	2508161191008014	NGUYỄN VĂN THÀNH GIANG	男	2007年10月23日	LR.2.4	
15	2508161191008015	NGUYEN THI NGOC KHUE	女	2006年7月18日	LR.2.4	
16	2508161191008016	LUU THI NGOC ANH	女	2004年2月19日	LR.2.4	
17	2508161191008017	NGUY QUOC TRUONG	男	2004年12月24日	LR.2.4	
18	2508161191008018	CHU THI THUY NGAN	女	2007年5月20日	LR.2.4	
19	2508161191008019	LUC THI DIU	女	2006年10月11日	LR.2.4	
20	2508161191008020	CHU DUC HIEU	男	2007年2月8日	LR.2.4	
21	2508161191008021	NGUYEN VAN HUY	男	2007年11月5日	LR.2.4	
22	2508161191008022	BAN THUY ANH	女	2007年10月5日	LR.2.4	
23	2508161191008023	DUONG THI HONG	女	2007年2月23日	LR.2.4	
24	2508161191008024	DO THI KHANH LINH	女	2007年9月21日	LR.2.4	
25	2508161191008025	NGUYỄN PHẠM BÁ BIÊN	男	2007年10月9日	LR.2.4	
26	2508161191008026	NGUYEN DUC TUAN	男	1997年2月20日	LR.2.4	
27	2508161191008027	LO HA VY	女	2007年6月9日	LR.2.4	
28	2508161191008028	NGUYỄN NHẬT NAM	男	2007年5月12日	LR.2.4	
29	2508161191008029	VI THỊ THU HƯƠNG	女	2006年11月4日	LR.2.4	
30	2508161191008030	DANG THI PHUONG OANH	女	2004年5月26日	LR.2.4	
31	2508161191008031	TRIEU THI VAN ANH	女	1999年7月21日	LR.2.4	
32	2508161191008032	VU ANH TUYET	女	2007年10月23日	LR.2.4	
33	2508161191008033	LAM THI NGOAN	女	2007年10月15日	LR.2.4	
34	2508161191008034	HOANG ANH QUYEN	女	2007年1月24日	LR.2.4	
35	2508161191008035	SUNG SEO KHANG	男	2006年3月1日	LR.2.4	
36	2508161191008036	DANG THU HIEN	女	2008年6月6日	LR.2.4	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 10H30-12H30

PHÒNG THI: 2.6

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191009001	DAO MANH HUONG	男	2007年9月4日	LR.2.6	
2	2508161191009002	PHAN LONG PHƯỚC	男	1999年2月2日	LR.2.6	
3	2508161191009003	LU THI NGUYEN	女	2007年12月23日	LR.2.6	
4	2508161191009004	NGO HOANG HA	女	2007年2月15日	LR.2.6	
5	2508161191009005	VUONG ANH NHUNG	女	2007年6月19日	LR.2.6	
6	2508161191009006	LÊ THỊ TRANG	女	2003年6月1日	LR.2.6	
7	2508161191009007	TONG THI THANH TRANG	女	2007年9月21日	LR.2.6	
8	2508161191009008	TRAN NAM TRUONG	男	2007年7月22日	LR.2.6	
9	2508161191009009	NGUYEN HUU NGOC	男	2005年12月18日	LR.2.6	
10	2508161191009010	LO THI SINH	女	2007年3月28日	LR.2.6	
11	2508161191009011	LO KHAI BINH	男	2007年8月12日	LR.2.6	
12	2508161191009012	HA TRONG BANG	男	2007年3月25日	LR.2.6	
13	2508161191009013	VANG THIN QUAN	男	2007年4月4日	LR.2.6	
14	2508161191009014	LUAN LE THUY	女	2007年5月24日	LR.2.6	
15	2508161191009015	NGUYEN THI LAN ANH	女	2006年7月20日	LR.2.6	
16	2508161191009016	LAI VAN HUNG	男	2006年4月3日	LR.2.6	
17	2508161191009017	NGUYEN NGOC YEN VY	女	2006年10月8日	LR.2.6	
18	2508161191009018	LUU VIET HAO	男	2007年8月20日	LR.2.6	
19	2508161191009019	DAU QUANG CHIEN	男	2007年4月13日	LR.2.6	
20	2508161191009020	NGUYEN THI THANH	女	2004年1月17日	LR.2.6	
21	2508161191009021	HOÀNG ĐỨC DUY	男	2007年1月12日	LR.2.6	
22	2508161191009022	DO HOANG VINH	男	2007年10月26日	LR.2.6	
23	2508161191009023	TRAN MANH VIET	男	2004年11月7日	LR.2.6	
24	2508161191009024	NGUYEN HAI DANG	男	2007年12月2日	LR.2.6	
25	2508161191009025	MONG THI THUY HUONG	女	2006年11月29日	LR.2.6	
26	2508161191009026	LY QUANG TUYEN	男	2007年1月25日	LR.2.6	
27	2508161191009027	VU THI THANH THAO	女	2006年1月17日	LR.2.6	
28	2508161191009028	HOANG THI HONG NGOC	女	2007年5月30日	LR.2.6	
29	2508161191009029	HY THI THU LAN	女	2007年12月24日	LR.2.6	

Ấn định danh sách có 29 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 13H30-15H30

PHÒNG THI: 1.1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191010001	NGUYỄN NHƯ TOÀN	nam	2007年1月14日	LR.1.1	
2	2508161191010002	NGUYEN VAN DUC	nam	2003年7月30日	LR.1.1	
3	2508161191010003	PHAM KHANH DIEP	nam	2007年11月23日	LR.1.1	
4	2508161191010004	NGUYEN TRUONG TAM	nam	2007年3月31日	LR.1.1	
5	2508161191010005	TRAN TUAN HUNG	nam	2007年9月27日	LR.1.1	
6	2508161191010006	NGUYEN NGOC LAM	nam	2007年11月15日	LR.1.1	
7	2508161191010007	PHAN VĂN TUẤN	nam	2002年11月19日	LR.1.1	
8	2508161191010008	NGUYEN DUY THANH	nam	2007年10月2日	LR.1.1	
9	2508161191010009	HOANG THI PHUONG MAI	nữ	2007年11月19日	LR.1.1	
10	2508161191010010	NGUYEN VAN HIEU	nam	2003年8月23日	LR.1.1	
11	2508161191010011	NGUYỄN THỊ THANH MAI	nữ	1980年9月6日	LR.1.1	
12	2508161191010012	BAN THI HIEU	nữ	2007年9月17日	LR.1.1	
13	2508161191010013	NGUYEN KHANH LY	nữ	2004年10月7日	LR.1.1	
14	2508161191010014	NGUYEN CONG VINH	nam	2007年4月14日	LR.1.1	
15	2508161191010015	LUONG THI DIEU LINH	nữ	2007年6月30日	LR.1.1	
16	2508161191010016	NGUYỄN TUẤN TÚ	nam	2007年6月11日	LR.1.1	
17	2508161191010017	DANG VAN TU	nam	2000年9月9日	LR.1.1	
18	2508161191010018	PHAM DUC THANG	nam	2004年9月9日	LR.1.1	
19	2508161191010019	LY THI HAU	nữ	2000年4月12日	LR.1.1	
20	2508161191010020	NGUYEN HUU HOANG	nam	2004年4月24日	LR.1.1	
21	2508161191010021	NGUYEN THAO NGAN	nữ	2006年9月21日	LR.1.1	
22	2508161191010022	NGUYỄN THỊ THÚY	nữ	2007年2月7日	LR.1.1	
23	2508161191010023	ĐẶNG THỊ MÙI	nữ	2007年6月21日	LR.1.1	
24	2508161191010024	PHAM QUYNH TRANG	nữ	2007年9月15日	LR.1.1	
25	2508161191010025	NONG PHUONG THUY	nữ	2007年8月17日	LR.1.1	
26	2508161191010026	NGUYỄN VĂN QUYẾT	nam	2007年11月16日	LR.1.1	
27	2508161191010027	LÊ THỊ HỒNG ÁNH	nữ	2007年3月6日	LR.1.1	
28	2508161191010028	NGUYEN MANH QUAN	nam	2007年7月19日	LR.1.1	
29	2508161191010029	TRẦN THỊ CHUNG ANH	nữ	2002年12月5日	LR.1.1	
30	2508161191010030	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	nữ	2007年5月17日	LR.1.1	
31	2508161191010031	NGUYEN THI THU HA	nữ	2003年11月27日	LR.1.1	
32	2508161191010032	NGUYEN TRUNG KIEN	nam	2006年1月8日	LR.1.1	
33	2508161191010033	VU MINH HOAI	nữ	2006年3月20日	LR.1.1	
34	2508161191010034	LE DUY PHUC	nam	2002年10月6日	LR.1.1	
35	2508161191010035	TRAN THI TU NHI	nữ	2006年8月25日	LR.1.1	
36	2508161191010036	HUYNH PHUONG THAO	nữ	2008年11月20日	LR.1.1	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 13H30-15H30

PHÒNG THI: 1.2

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191011001	HIA PHUONG MAI	女	2007年11月15日	LR.1.2	
2	2508161191011002	CHU TRONG HOANG MINH	男	2007年10月20日	LR.1.2	
3	2508161191011003	MA QUANG VINH	男	2005年6月10日	LR.1.2	
4	2508161191011004	PHUNG THI HONG	女	2008年1月11日	LR.1.2	
5	2508161191011005	NGUYEN VU VIET ANH	男	2007年12月14日	LR.1.2	
6	2508161191011006	TRẦN THÚY THU HẰNG	女	2007年8月20日	LR.1.2	
7	2508161191011007	TAN THI THUY LINH	女	2001年4月12日	LR.1.2	
8	2508161191011008	NGUYEN HONG SON	男	2002年5月8日	LR.1.2	
9	2508161191011009	BUI TIEN DAT	男	2007年2月23日	LR.1.2	
10	2508161191011010	PHAM QUANG THANG	男	2007年2月7日	LR.1.2	
11	2508161191011011	PHẠM HẢI LINH	女	2007年6月29日	LR.1.2	
12	2508161191011012	LE VAN QUAN	男	2007年9月7日	LR.1.2	
13	2508161191011013	NGUYEN THI TRIEU VI	女	2007年10月7日	LR.1.2	
14	2508161191011014	NGUYEN THI HA	女	2002年7月25日	LR.1.2	
15	2508161191011015	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	男	2002年5月17日	LR.1.2	
16	2508161191011016	HOANG THI THANH PHUONG	女	2007年8月21日	LR.1.2	
17	2508161191011017	THAM THI THUY LINH	女	2004年12月26日	LR.1.2	
18	2508161191011018	LE THI HAO	女	2006年1月10日	LR.1.2	
19	2508161191011019	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	男	2007年6月25日	LR.1.2	
20	2508161191011020	HOÀNG TRÀ MY	女	2007年1月21日	LR.1.2	
21	2508161191011021	BÙI LÊ CÔNG	男	2006年11月29日	LR.1.2	
22	2508161191011022	HOANG HUNG SON	男	2000年8月13日	LR.1.2	
23	2508161191011023	TRIEU VAN TOAN	男	2007年1月20日	LR.1.2	
24	2508161191011024	NGUYỄN THỊ MAI ANH	女	2007年11月13日	LR.1.2	
25	2508161191011025	PHẠM TRUNG HIẾU	男	2007年12月22日	LR.1.2	
26	2508161191011026	NGUYEN THUY HANH	女	2007年11月10日	LR.1.2	
27	2508161191011027	NGUYEN TRONG DOAN	男	2002年8月22日	LR.1.2	
28	2508161191011028	NGUYEN TIEN THANH	男	2004年1月8日	LR.1.2	
29	2508161191011029	NGUYỄN HẢI ANH	男	2006年9月28日	LR.1.2	
30	2508161191011030	NGUYEN NGOC LINH	女	2007年2月2日	LR.1.2	
31	2508161191011031	NGUYEN DUY DANG	男	2007年4月2日	LR.1.2	
32	2508161191011032	VU THI THUONG	女	2006年9月7日	LR.1.2	
33	2508161191011033	LE DINH DINH	女	2007年4月8日	LR.1.2	
34	2508161191011034	TRAN XUAN TRUONG	男	2007年11月26日	LR.1.2	
35	2508161191011035	VI THI MUNG	女	2007年11月25日	LR.1.2	
36	2508161191011036	NGUYEN THANH TAM	女	2006年11月28日	LR.1.2	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 13H30-15H30

PHÒNG THI: 2.3

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191012001	LE HUY QUANG	男	2006年3月4日	LR 2.3	
2	2508161191012002	BÀN THỊ NGỌC ÁNH	女	2007年2月27日	LR 2.3	
3	2508161191012003	TRAN VAN HOAN	男	2000年7月29日	LR 2.3	
4	2508161191012004	NGUYEN DINH SANG	男	2007年9月13日	LR 2.3	
5	2508161191012005	NGUYEN DUC ANH	男	2006年12月16日	LR 2.3	
6	2508161191012006	LE THI TUOI	女	2006年8月3日	LR 2.3	
7	2508161191012007	TRINH HUY HOANG	男	2007年12月10日	LR 2.3	
8	2508161191012008	BUI NGOC CHUAN	女	2004年6月14日	LR 2.3	
9	2508161191012009	NGUYEN VAN DIEP	男	2002年8月14日	LR 2.3	
10	2508161191012010	NGUYEN VAN TUAN HUNG	男	2007年3月8日	LR 2.3	
11	2508161191012011	NGUYEN THUY DUONG	女	2004年8月9日	LR 2.3	
12	2508161191012012	NGUYEN THU THUY	女	2007年4月28日	LR 2.3	
13	2508161191012013	NGUYEN THI THANH HUONG	女	2005年9月10日	LR 2.3	
14	2508161191012014	VŨ TRỌNG TUẤN	男	2006年11月25日	LR 2.3	
15	2508161191012015	NGUYEN HA VI	女	2007年6月9日	LR 2.3	
16	2508161191012016	NGUYEN VAN LUONG	男	2006年7月2日	LR 2.3	
17	2508161191012017	VŨ KIM TRƯỜNG	男	2007年9月3日	LR 2.3	
18	2508161191012018	DANG MANH CUONG	男	2005年8月24日	LR 2.3	
19	2508161191012019	NGUYEN THI KHANH	女	2007年3月23日	LR 2.3	
20	2508161191012020	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	女	2006年4月29日	LR 2.3	
21	2508161191012021	BUI DUY KHANH	男	2007年8月19日	LR 2.3	
22	2508161191012022	TRẦN HOÀI NAM	男	1998年11月30日	LR 2.3	
23	2508161191012023	VI THI QUYNH CHI	女	2007年2月2日	LR 2.3	
24	2508161191012024	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	男	2007年10月12日	LR 2.3	
25	2508161191012025	LƯƠNG QUANG BÌNH	男	2007年3月29日	LR 2.3	
26	2508161191012026	LE THI KIM NGAN	女	2007年10月2日	LR 2.3	
27	2508161191012027	NGUYEN NGOC CHAU	女	2004年11月4日	LR 2.3	
28	2508161191012028	TRẦN QUỐC TOẢN	男	2005年2月15日	LR 2.3	
29	2508161191012029	TRAN THI MINH ANH	女	2007年7月20日	LR 2.3	
30	2508161191012030	NGUYEN KHANH LINH	女	2006年10月11日	LR 2.3	
31	2508161191012031	NGUYEN THANH TRUNG	男	2007年12月13日	LR 2.3	
32	2508161191012032	NGUYỄN ĐỨC HẢI	男	2001年2月10日	LR 2.3	
33	2508161191012033	NGUYEN THI KIEU TRANG	女	2006年9月4日	LR 2.3	
34	2508161191012034	HOÀNG THỊ TÚ	女	2007年11月30日	LR 2.3	
35	2508161191012035	NGUYỄN QUANG TIỆP	男	2007年12月12日	LR 2.3	
36	2508161191012036	PHAM THI ANH DUYEN	女	2006年3月18日	LR 2.3	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 13H30-15H30

PHÒNG THI: 2.4

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191013001	NONG THI YEN NHI	女	2005年1月22日	LR 2.4	
2	2508161191013002	TA THI BICH THUY	女	2007年10月28日	LR 2.4	
3	2508161191013003	DU CONG PHUC	男	2006年8月25日	LR 2.4	
4	2508161191013004	VU THI MAI HOA	女	2007年8月2日	LR 2.4	
5	2508161191013005	NGUYEN VAN TRUNG HIEU	男	2009年10月15日	LR 2.4	
6	2508161191013006	VĂN NGỌC LINH	女	2006年10月12日	LR 2.4	
7	2508161191013007	HOANG THI YEN NHI	女	2005年1月5日	LR 2.4	
8	2508161191013008	TRINH THI THU DUNG	女	2007年7月8日	LR 2.4	
9	2508161191013009	VŨ THỊ QUỲNH LÂM	女	2007年7月26日	LR 2.4	
10	2508161191013010	PHAM DUC TIEP	女	2007年8月29日	LR 2.4	
11	2508161191013011	ĐỖ THỊ KIỀU OANH	女	2007年8月8日	LR 2.4	
12	2508161191013012	HOÀNG THỊ THẨM	女	2007年10月3日	LR 2.4	
13	2508161191013013	NGUYEN PHUONG LINH	女	2007年1月4日	LR 2.4	
14	2508161191013014	NGUYEN DUC HAI	男	2006年6月7日	LR 2.4	
15	2508161191013015	NGUYỄN THỊ THÀNH	女	2007年3月20日	LR 2.4	
16	2508161191013016	DUONG VAN TINH	男	2000年5月22日	LR 2.4	
17	2508161191013017	PHẠM THU TRANG	女	2003年9月14日	LR 2.4	
18	2508161191013018	NGUYEN NGOC ANH PHAT	男	2007年9月13日	LR 2.4	
19	2508161191013019	LƯƠNG ANH THƯ	女	2007年7月21日	LR 2.4	
20	2508161191013020	HA THI THAO VAN	女	2007年1月31日	LR 2.4	
21	2508161191013021	TRẦN ÁNH NGỌC	女	2007年7月14日	LR 2.4	
22	2508161191013022	LÃ PHƯƠNG LINH	女	2007年8月13日	LR 2.4	
23	2508161191013023	LE QUANG HUY	男	2006年10月10日	LR 2.4	
24	2508161191013024	HO THI MAI HOA	女	2003年7月16日	LR 2.4	
25	2508161191013025	PHAN THANH HOÀNG	男	2007年1月3日	LR 2.4	
26	2508161191013026	NGUYEN THI HUONG	女	2006年8月8日	LR 2.4	
27	2508161191013027	NGUYEN VAN VANG	男	2005年3月11日	LR 2.4	
28	2508161191013028	NGUYỄN NGỌC TIỀN	男	2007年6月13日	LR 2.4	
29	2508161191013029	NGUYỄN THỊ TRANG	女	1998年7月20日	LR 2.4	
30	2508161191013030	NGUYỄN MẠNH TIẾN	男	2008年2月23日	LR 2.4	
31	2508161191013031	CAO PHAN THÁI	男	2001年10月9日	LR 2.4	
32	2508161191013032	NGUYEN THI YEN	女	2004年1月9日	LR 2.4	
33	2508161191013033	LÊ THỊ MỸ LỆ	女	2007年8月21日	LR 2.4	
34	2508161191013034	BÙI VĂN BÁCH	男	2003年2月5日	LR 2.4	
35	2508161191013035	VŨ MẠNH ĐỨC	男	2007年8月31日	LR 2.4	
36	2508161191013036	LE NGUYEN DIEU LINH	女	2004年9月10日	LR 2.4	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 13H30-15H30

PHÒNG THI: 2.6

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191014001	NGUYEN THI PHUONG ANH	女	2007年9月8日	LR 2.6	
2	2508161191014002	NGUYEN THI VAN ANH	女	2007年6月25日	LR 2.6	
3	2508161191014003	LE XUAN HOAN	男	2004年7月5日	LR 2.6	
4	2508161191014004	LO VAN NHAT	男	2007年6月20日	LR 2.6	
5	2508161191014005	NGUYEN THI LINH	女	2007年10月20日	LR 2.6	
6	2508161191014006	TRAN VAN CHIEN	男	2001年5月10日	LR 2.6	
7	2508161191014007	VU THANH DAT	男	2007年7月10日	LR 2.6	
8	2508161191014008	PHUNG THI THANH LAN	女	1988年6月11日	LR 2.6	
9	2508161191014009	VO CONG LUC	男	2006年1月6日	LR 2.6	
10	2508161191014010	MAI TRUONG CHINH	男	2005年1月20日	LR 2.6	
11	2508161191014011	ĐẶNG ANH MINH	男	2007年4月23日	LR 2.6	
12	2508161191014012	LE THI NGOC ANH	女	2007年11月11日	LR 2.6	
13	2508161191014013	TRAN THI DIEU MY	女	2007年1月19日	LR 2.6	
14	2508161191014014	VŨ VĂN HÀ	男	1993年6月4日	LR 2.6	
15	2508161191014015	NGUYEN VAN TUAN	男	2007年3月18日	LR 2.6	
16	2508161191014016	NGUYEN XUAN HOA	男	2005年3月9日	LR 2.6	
17	2508161191014017	LUONG THI ANH TUYET	女	2006年9月8日	LR 2.6	
18	2508161191014018	NGUYEN TRONG TUAN	男	2004年12月20日	LR 2.6	
19	2508161191014019	TRAN THI CAM PHONG	女	2004年2月18日	LR 2.6	
20	2508161191014020	NGUYEN THANH DONG	男	2004年6月16日	LR 2.6	
21	2508161191014021	VU NGOC THAO	女	2007年4月29日	LR 2.6	
22	2508161191014022	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	女	2007年12月11日	LR 2.6	
23	2508161191014023	VI THI PHUONG HUYEN	女	2007年6月20日	LR 2.6	
24	2508161191014024	HOÀNG MẠNH TỬ	男	2007年12月18日	LR 2.6	
25	2508161191014025	NGUYEN THI THU HA	女	2007年6月28日	LR 2.6	
26	2508161191014026	NGUYEN THI THU QUYEN	女	2007年8月22日	LR 2.6	
27	2508161191014027	TRẦN VIỆT TUẤN	男	2007年9月22日	LR 2.6	
28	2508161191014028	MAI HUY DUY	男	2006年2月3日	LR 2.6	
29	2508161191014029	TRAN THI MAI	女	2003年6月15日	LR 2.6	
30	2508161191014030	NGUYEN MANH HIEP	男	2005年10月29日	LR 2.6	

Ấn định danh sách có 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 16h00-18h00

PHÒNG THI: 1.1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191015001	BUI THI THU HUYEN	女	2006年6月9日	LR.1.1	
2	2508161191015002	QUÁCH THU HÀ	女	2007年12月10日	LR.1.1	
3	2508161191015003	NGUYEN HUNG VI	男	2001年3月26日	LR.1.1	
4	2508161191015004	PHAN THỊ MAI	女	2004年4月23日	LR.1.1	
5	2508161191015005	LÂM NGỌC LINH	女	2007年11月26日	LR.1.1	
6	2508161191015006	TRẦN BẢO NGỌC	女	2007年3月14日	LR.1.1	
7	2508161191015007	HOANG VAN HIEU	男	2006年5月11日	LR.1.1	
8	2508161191015008	TRAN PHUONG LINH	女	2007年6月5日	LR.1.1	
9	2508161191015009	NGUYEN THANH SON	男	2007年10月4日	LR.1.1	
10	2508161191015010	NGÔ VIỆT CƯỜNG	男	2003年2月2日	LR.1.1	
11	2508161191015011	MAI PHUONG HOANG ANH	男	2005年3月11日	LR.1.1	
12	2508161191015012	LƯƠNG THỊ PHI YÊN	女	2007年11月15日	LR.1.1	
13	2508161191015013	NGUYEN THI LE PHUONG	女	2004年1月18日	LR.1.1	
14	2508161191015014	LÊ CHÍ TƯỜNG	男	2003年7月10日	LR.1.1	
15	2508161191015015	TRẦN THẢO VÂN	女	2007年12月10日	LR.1.1	
16	2508161191015016	LƯƠNG THỊ GIANG	女	2007年4月11日	LR.1.1	
17	2508161191015017	PHẠM QUANG THÁI	男	2004年10月24日	LR.1.1	
18	2508161191015018	KIỀU THỊ NHÀN	女	2007年11月3日	LR.1.1	
19	2508161191015019	ĐẶNG THÁI HOÀNG	男	2007年9月20日	LR.1.1	
20	2508161191015020	HOANG MINH HUY	男	2007年9月9日	LR.1.1	
21	2508161191015021	NGUYỄN DUY TUẤN	男	2007年10月22日	LR.1.1	
22	2508161191015022	VƯƠNG XUÂN THỊ QUỲNH	女	2003年6月20日	LR.1.1	
23	2508161191015023	TẠ QUỲNH TRANG	女	2007年11月3日	LR.1.1	
24	2508161191015024	HOÀNG QUỐC ANH	男	2006年2月12日	LR.1.1	
25	2508161191015025	HỒ THỊ KIM ÁNH	女	2006年11月23日	LR.1.1	
26	2508161191015026	PHÙNG MÙI NHẬY	女	2007年9月9日	LR.1.1	
27	2508161191015027	ĐÀO TUẤN ANH	男	2003年8月8日	LR.1.1	
28	2508161191015028	NGUYEN THI PHUONG ANH	女	2007年3月31日	LR.1.1	
29	2508161191015029	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	男	2007年9月1日	LR.1.1	
30	2508161191015030	PHAN KHẮC SƠN TRÀ	男	2007年12月11日	LR.1.1	

Ấn định danh sách có 30 thí sinh./

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

TRUNG TÂM
KHẢO THÍ
DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 16h00-18h00

PHÒNG THI: 1.2

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191016001	NÔNG THỊ THỦY	女	2007年1月12日	LR.1.2	
2	2508161191016002	NGUYEN YEN NHI	女	2007年10月11日	LR.1.2	
3	2508161191016003	VU MINH DUC	男	2007年2月26日	LR.1.2	
4	2508161191016004	LƯU MINH VŨ	男	2007年11月14日	LR.1.2	
5	2508161191016005	TRẦN THỊ HÀ GIANG	女	2007年8月16日	LR.1.2	
6	2508161191016006	NGUYEN THUY NGAN	男	2006年7月27日	LR.1.2	
7	2508161191016007	LƯU THỊ NGỌC ÁNH	女	2007年8月10日	LR.1.2	
8	2508161191016008	VI LÊ HỮU HUYỀN	女	2007年8月25日	LR.1.2	
9	2508161191016009	NGUYỄN QUỐC BẢO	男	2007年10月10日	LR.1.2	
10	2508161191016010	NGUYEN BA SON	男	2007年2月11日	LR.1.2	
11	2508161191016011	VŨ TÚ UYÊN	女	2007年9月8日	LR.1.2	
12	2508161191016012	TRẦN THỊ LỆ QUYÊN	女	2006年11月3日	LR.1.2	
13	2508161191016013	NGUYỄN DUY HOÀNG	男	2006年9月19日	LR.1.2	
14	2508161191016014	NGUYỄN THỊ NHÀN	女	2007年9月13日	LR.1.2	
15	2508161191016015	VU QUANG NHAT	男	2007年11月18日	LR.1.2	
16	2508161191016016	HÀ VĂN KHUYẾN	男	2007年11月4日	LR.1.2	
17	2508161191016017	LE THI KHANH HUYEN	女	2005年11月2日	LR.1.2	
18	2508161191016018	NGUYỄN THỊ GIANG	女	2007年10月8日	LR.1.2	
19	2508161191016019	CHU HỒNG YÊN	男	2002年10月11日	LR.1.2	
20	2508161191016020	TRẦN QUỐC DŨNG	男	2007年10月17日	LR.1.2	
21	2508161191016021	PHẠM THU NGÂN	女	2007年10月1日	LR.1.2	
22	2508161191016022	HOÀNG THỊ MAI ANH	女	2007年11月29日	LR.1.2	
23	2508161191016023	DO MINH HIEU	男	2007年8月6日	LR.1.2	
24	2508161191016024	NGÔ THỊ TRANG	女	2007年11月23日	LR.1.2	
25	2508161191016025	NGUYEN NGOC HIEU	男	2006年7月6日	LR.1.2	
26	2508161191016026	TRẦN THU HẰNG	女	2007年2月12日	LR.1.2	
27	2508161191016027	TRẦN THỊ YẾN CHI	女	2007年2月20日	LR.1.2	
28	2508161191016028	NGUYỄN XUÂN BÁU	男	2001年10月25日	LR.1.2	
29	2508161191016029	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	男	2006年9月26日	LR.1.2	
30	2508161191016030	LÊ THỊ HỒNG LINH	女	2006年12月2日	LR.1.2	

Ấn định danh sách có 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 16h00-18h00

PHÒNG THI: 2.3

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191017001	VŨ XUÂN HUY	男	2007年4月8日	LR 2.3	
2	2508161191017002	DO NGOC LONG	男	2003年5月20日	LR 2.3	
3	2508161191017003	CAO NGOC ÁNH	女	2006年12月16日	LR 2.3	
4	2508161191017004	NGUYỄN ĐĂNG HẢI CHÂU	男	2007年11月9日	LR 2.3	
5	2508161191017005	NGUYỄN ĐỨC DU	男	2002年4月10日	LR 2.3	
6	2508161191017006	BÙI ĐỨC AN	男	2006年11月20日	LR 2.3	
7	2508161191017007	LÝ TRUNG KIẾN	男	2007年8月15日	LR 2.3	
8	2508161191017008	NGUYEN DINH TUNG	男	2001年11月20日	LR 2.3	
9	2508161191017009	NGUYỄN TỔ TRÂN	女	2007年12月19日	LR 2.3	
10	2508161191017010	DƯƠNG VĂN THÀNH	男	2007年2月13日	LR 2.3	
11	2508161191017011	TRẦN XUÂN TIẾN	男	2004年12月4日	LR 2.3	
12	2508161191017012	NGUYỄN ANH TÚ	男	2002年2月20日	LR 2.3	
13	2508161191017013	HOANG THI MAI	女	2006年9月3日	LR 2.3	
14	2508161191017014	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	女	2007年8月15日	LR 2.3	
15	2508161191017015	NGUYEN THI MAI ANH	女	2005年11月11日	LR 2.3	
16	2508161191017016	LƯƠNG THỊ TÚ ANH	女	2007年4月9日	LR 2.3	
17	2508161191017017	CAO THÁI SƠN	男	2007年5月25日	LR 2.3	
18	2508161191017018	NÔNG THỊ NGỌC	女	2007年3月26日	LR 2.3	
19	2508161191017019	DƯƠNG THU HÀ	女	2001年6月9日	LR 2.3	
20	2508161191017020	CHIU TIEN THANH	男	2005年10月25日	LR 2.3	
21	2508161191017021	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	女	2007年6月1日	LR 2.3	
22	2508161191017022	HA MINH TAM	男	2007年8月11日	LR 2.3	
23	2508161191017023	XÔNG Y TRÀ	女	2006年1月7日	LR 2.3	
24	2508161191017024	LÊ THÀNH VINH	男	2007年9月18日	LR 2.3	
25	2508161191017025	HÀ THANH BÌNH	男	2007年4月25日	LR 2.3	
26	2508161191017026	SÙNG THỊ THẢO	女	2007年6月12日	LR 2.3	
27	2508161191017027	LE DUC MINH	男	2003年9月1日	LR 2.3	
28	2508161191017028	MAI THỊ MỸ LỆ	女	2007年12月28日	LR 2.3	
29	2508161191017029	VI THỊ LIỆU	女	2007年7月16日	LR 2.3	
30	2508161191017030	BÙI THANH MAI	女	2006年3月7日	LR 2.3	
31	2508161191017031	HOANG KHAC DUONG	男	2005年8月30日	LR 2.3	
32	2508161191017032	LE QUANG DUY ANH	男	2007年5月13日	LR 2.3	
33	2508161191017033	TẶNG HUYỀN TRANG	女	2007年11月21日	LR 2.3	
34	2508161191017034	TRAN HOANG GIANG	男	2007年10月2日	LR 2.3	
35	2508161191017035	NGUYỄN KỶ BẢO	男	2005年11月18日	LR 2.3	

Ấn định danh sách có 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 16h00-18h00

PHÒNG THI: 2.4

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191018001	DIEM DINH QUY	男	2007年9月20日	LR 2.4	
2	2508161191018002	NGUYỄN THỊ HUYỀN ĐỨC	女	2007年6月25日	LR 2.4	
3	2508161191018003	NGUYỄN TRUNG KIÊN	男	2007年2月23日	LR 2.4	
4	2508161191018004	NGUYỄN ĐỨC MINH QUÂN	男	2006年9月28日	LR 2.4	
5	2508161191018005	NGUYỄN THẾ THUẬN SƠN	男	2007年7月25日	LR 2.4	
6	2508161191018006	NGUYỄN ĐẠI CHÍNH	男	2007年7月1日	LR 2.4	
7	2508161191018007	LÝ THU HƯỜNG	女	2007年1月8日	LR 2.4	
8	2508161191018008	DOAN TRONG QUAN	男	2006年3月18日	LR 2.4	
9	2508161191018009	HÀ ANH DŨNG	男	2007年2月22日	LR 2.4	
10	2508161191018010	PHẠM VŨ BẢO YẾN	女	2007年2月4日	LR 2.4	
11	2508161191018011	NGUYỄN ANH TÚ	男	2007年11月3日	LR 2.4	
12	2508161191018012	BUI TRONG DAT	男	2007年5月15日	LR 2.4	
13	2508161191018013	CHU THỊ PHƯƠNG THẢO	女	2007年5月20日	LR 2.4	
14	2508161191018014	NGUYEN KIM CUONG	女	1987年2月20日	LR 2.4	
15	2508161191018015	TRẦN THỊ LỆ QUYÊN	女	2006年11月30日	LR 2.4	
16	2508161191018016	LƯƠNG VĂN LỤC	男	2007年1月24日	LR 2.4	
17	2508161191018017	TRỊNH HỒNG VÂN	女	2007年1月20日	LR 2.4	
18	2508161191018018	VU VAN NAM	男	2006年5月25日	LR 2.4	
19	2508161191018019	BÙI NHẬT HÀ	女	2007年10月19日	LR 2.4	
20	2508161191018020	CAO VĂN NINH	男	2007年12月13日	LR 2.4	
21	2508161191018021	BUI DUY THANH	男	2007年10月7日	LR 2.4	
22	2508161191018022	CAO THỊ LAN	女	2007年9月2日	LR 2.4	
23	2508161191018023	NGUYEN CONG DOAN	男	2004年8月30日	LR 2.4	
24	2508161191018024	TRẦN VŨ MINH	男	2007年9月6日	LR 2.4	
25	2508161191018025	VŨ THỊ HỒNG	女	1998年10月10日	LR 2.4	
26	2508161191018026	NGUYEN THANH DANH	男	2006年11月7日	LR 2.4	
27	2508161191018027	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	女	2007年5月5日	LR 2.4	
28	2508161191018028	PHAN THỊ HÒA	女	2007年5月5日	LR 2.4	
29	2508161191018029	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG NGUYỄN	男	2007年12月22日	LR 2.4	
30	2508161191018030	PHẠM VIỆT ANH	男	2007年6月2日	LR 2.4	
31	2508161191018031	NGUYEN VAN NAM	男	2002年11月28日	LR 2.4	
32	2508161191018032	NGUYEN VAN KHANH	男	2003年1月6日	LR 2.4	
33	2508161191018033	BÀN THỊ PHAM	女	2007年11月3日	LR 2.4	
34	2508161191018034	VŨ THỊ HOÀI LÝ	女	2007年1月17日	LR 2.4	
35	2508161191018035	LƯƠNG THỊ LINH CHI	女	2007年8月22日	LR 2.4	

Ấn định danh sách có 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG HOA TOCFL

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG HOA TOCFL

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 16/8/2025 - GIỜ THI : 16h00-18h00

PHÒNG THI: 2.6

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	2508161191019001	LƯU THỊ QUỲNH ANH	女	2007年5月30日	LR 2.6	
2	2508161191019002	ĐÀM ÁNH NGỌC	女	2007年7月23日	LR 2.6	
3	2508161191019003	PHAN VĂN ĐẠI	男	2007年12月20日	LR 2.6	
4	2508161191019004	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	女	2007年9月30日	LR 2.6	
5	2508161191019005	LÊ PHÚ QUÝ	男	2007年3月1日	LR 2.6	
6	2508161191019006	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	女	2007年11月28日	LR 2.6	
7	2508161191019007	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	男	2007年1月15日	LR 2.6	
8	2508161191019008	LANG THỊ TÚ LƯỢNG	女	2007年5月14日	LR 2.6	
9	2508161191019009	VŨ THỊ ÁNH NGUYỆT	女	2007年5月27日	LR 2.6	
10	2508161191019010	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	男	2007年11月18日	LR 2.6	
11	2508161191019011	VI THỊ HẰNG	女	2007年3月26日	LR 2.6	
12	2508161191019012	TRẦN KIỀU TRINH	女	2002年8月24日	LR 2.6	
13	2508161191019013	LY TAN SANG	男	2007年10月6日	LR 2.6	
14	2508161191019014	CHU TUẤN HÙNG	男	2006年11月4日	LR 2.6	
15	2508161191019015	HÀ THÁI LINH	男	2007年2月25日	LR 2.6	
16	2508161191019016	DINH QUANG DUC	男	2004年9月18日	LR 2.6	
17	2508161191019017	NGUYỄN THỊ LOAN	女	2007年6月6日	LR 2.6	
18	2508161191019018	THACH XUAN TRONG	男	2007年10月22日	LR 2.6	
19	2508161191019019	NGUYEN HUU TAN	男	2007年11月5日	LR 2.6	
20	2508161191019020	MA THI HOI	女	2007年1月28日	LR 2.6	
21	2508161191019021	THEN HUNG QUYNH	男	2007年5月4日	LR 2.6	
22	2508161191019022	TRIỆU THỊ QUỲNH	女	2007年8月10日	LR 2.6	
23	2508161191019023	NGÔ QUANG VĨ	男	2007年8月10日	LR 2.6	
24	2508161191019024	PHẠM NHẬT LONG	男	2007年9月28日	LR 2.6	
25	2508161191019025	VI VĂN ĐỨC	男	2007年9月13日	LR 2.6	
26	2508161191019026	NGUYEN VAN BAO	男	2007年1月17日	LR 2.6	
27	2508161191019027	LAI QUANG VINH	男	2007年3月2日	LR 2.6	
28	2508161191019028	LÊ UYÊN NHI	女	2007年8月16日	LR 2.6	
29	2508161191019029	VŨ XUÂN DƯƠNG	男	2007年7月10日	LR 2.6	
30	2508161191019030	PHẠM THỊ THU HUYỀN	女	2007年7月23日	LR 2.6	
31	2508161191019031	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	女	2007年3月9日	LR 2.6	
32	2508161191019032	NGUYỄN HUYỀN TRANG	女	2007年12月23日	LR 2.6	
33	2508161191019033	LƯƠNG HUỆ MAI	女	2006年2月26日	LR 2.6	
34	2508161191019034	DOAN NGOC SON	男	2007年9月25日	LR 2.6	
35	2508161191019035	HA THI THU LIEU	女	2007年8月16日	LR 2.6	

Ấn định danh sách có 35 thí sinh./